

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 4/2017
(CHƯA ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Bảng cân đối kế toán riêng	2 - 3
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	5
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	6 - 28

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0301472704 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 8 năm 2005 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Giấy phép số 244/2010/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 11 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là hoạt động nông nghiệp và các hoạt động khác có liên quan, thực hiện các hoạt động đầu tư tài chính và các dịch vụ liên quan khác.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô A1-9, đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có Chi nhánh tại tầng 15, tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Trà My	Phó chủ tịch
Ông Trần Đình Long	Thành viên
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Thành viên
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Khải	Thành viên
Ông Michael Sng Beng Hock	Thành viên
Ông Đặng Kim Sơn	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Quốc Khánh	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 3 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn Duy Hưng	Trưởng ban	từ nhiệm ngày 3 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn Duy Hưng	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Thành viên	
Ông Nguyễn Duy Tuấn	Thành viên	từ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2017

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Khắc Hải	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Giám đốc Tài chính

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Duy Hưng.

Ông Nguyễn Khắc Hải được Ông Nguyễn Duy Hưng ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (CHƯA KIỂM TOÁN)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		188.281.513.663	215.982.764.020
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	7.914.044.578	103.124.965.180
111	1. Tiền		7.914.044.578	4.301.247.737
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	98.823.717.443
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		179.801.466.556	111.460.000.348
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	37.803.452.517	40.213.871.738
132	2. Trả trước cho người bán	6	225.838.046	216.822.726
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		154.000.000.000	70.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	2.969.245.907	1.029.305.884
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(15.197.069.914)	-
150	III. Tài sản ngắn hạn khác		566.002.529	1.397.798.492
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	208.543.507	381.268.794
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		328.339.447	330.139.447
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		29.119.575	686.390.251
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.024.899.967.264	2.021.921.285.520
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	7	89.200.000	89.200.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		89.200.000	89.200.000
220	II. Tài sản cố định	9	10.753.156.558	10.393.446.612
221	1. Tài sản cố định hữu hình		10.753.156.558	10.393.446.612
222	Nguyên giá		21.156.824.457	19.727.925.457
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(10.403.667.899)	(9.334.478.845)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	10	2.009.254.808.000	2.009.254.808.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.999.800.000.000	1.999.800.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		9.454.808.000	9.454.808.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		4.802.802.706	2.183.830.908
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	281.526.185	701.968.370
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		4.521.276.521	1.481.862.538
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.213.181.480.927	2.237.904.049.540

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		18.304.057.037	15.110.463.183
310	I. Nợ ngắn hạn		18.304.057.037	15.110.463.183
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	535.734.014	310.745.598
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		208.308.899	208.308.899
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	268.658.191	350.262.175
314	4. Phải trả người lao động		7.863.687	13.188.687
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		1.472.563.341	1.322.777.693
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	13	3.140.952.401	4.083.567.700
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		12.669.976.504	8.821.612.431
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.194.877.423.890	2.222.793.586.357
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	2.194.877.423.890	2.222.793.586.357
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.177.236.300.000	1.023.724.970.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.177.236.300.000	1.023.724.970.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.021.071.143.351	1.021.071.143.351
415	3. Cổ phiếu quỹ		(561.000.000)	(561.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		11.513.798.268	11.513.798.268
421	5. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(14.382.817.729)	167.044.674.738
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		7.900.020.265	56.378.185.271
421b	- (Lỗ) LNST chưa phân phối năm nay		(22.282.837.994)	110.666.489.467
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.213.181.480.927	2.237.904.049.540

Người lập



Vũ Thị Lan Anh
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Nguyễn Tuấn Anh
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt



Nguyễn Khắc Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 01 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (CHƯA KIỂM TOÁN)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ báo cáo		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	
			Quý 4/2017	Quý 4/2016	Năm 2017	Năm 2016
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.1	-	42.000.000	18.000.000	1.285.155.558
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.1	-	42.000.000	18.000.000	1.285.155.558
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		-	-	-	-
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	42.000.000	18.000.000	1.285.155.558
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	15.2	847.642.196	4.997.936.891	14.645.322.585	175.189.824.996
22	7. Chi phí tài chính	16	-	(7.425.736.589)	(45.237.250)	(17.819.508.222)
25	8. Chi phí bán hàng		-	-	-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	17	(22.282.084.784)	(6.442.904.729)	(39.272.065.615)	(23.174.663.551)
30	10. (Lỗ) lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(21.434.442.588)	(8.828.704.427)	(24.653.980.280)	135.480.808.781
31	11. Thu nhập khác		-	-	-	41.836.969
32	12. Chi phí khác		(668.271.697)	(84.634.229)	(668.271.697)	(112.629.944)
40	13. Lợi nhuận khác		(668.271.697)	(84.634.229)	(668.271.697)	(70.792.975)
50	14. Tổng (lỗ) lợi nhuận trước thuế		(22.102.714.285)	(8.913.338.656)	(25.322.251.977)	135.410.015.806
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	19	-	(68.239.384)	-	(24.225.388.877)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại		3.039.413.983	1.481.862.538	3.039.413.983	1.481.862.538
60	17. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế TNDN		(19.063.300.302)	(7.499.715.502)	(22.282.837.994)	112.666.489.467

Người lập



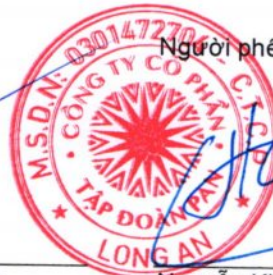
Vũ Thị Lan Anh
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Nguyễn Tuấn Anh
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt




Nguyễn Khắc Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 01 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (CHƯA KIỂM TOÁN)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	(Lỗ) lợi nhuận trước thuế		(25.322.251.977)	135.410.015.806
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định		1.069.189.054	849.218.051
03	Dự phòng phải thu khó đòi		15.197.069.914	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(14.645.322.585)	(175.189.824.996)
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(23.701.315.594)	(38.930.591.139)
09	Giảm các khoản phải thu		9.134.697.643	8.418.830.339
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		577.845.080	(3.674.478.648)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		593.167.472	(543.953.646)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(24.287.312.660)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.017.575.699)	(1.462.022.848)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(16.413.181.098)	(60.479.528.602)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.428.899.000)	(2.793.710.882)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(375.548.000.000)	(1.102.710.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		291.548.000.000	1.032.710.000.000
25	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		-	(78.727.181.188)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	177.221.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.631.159.496	82.557.532.775
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(78.797.739.504)	108.257.640.705
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	14.868.000.000
32	Tiền mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(561.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	14.307.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(95.210.920.602)	62.085.112.103
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		103.124.965.180	41.039.853.077
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	7.914.044.578	103.124.965.180

Người lập



Vũ Thị Lan Anh
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Nguyễn Tuấn Anh
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt



Nguyễn Khắc Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 01 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (CHƯA KIỂM TOÁN)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0301472704 do Sở Kế hoạch Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 8 năm 2005 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Giấy phép số 244/2010/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 11 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là hoạt động nông nghiệp, thực phẩm và các hoạt động khác có liên quan, thực hiện các hoạt động đầu tư tài chính và các dịch vụ liên quan khác.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô A1-9, đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có Chi nhánh tại tầng 15, tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 18 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 26).

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm 2 công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 10 của báo cáo tài chính riêng.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty là công ty mẹ của các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 10 và Công ty đang trong quá trình hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành.

Người sử dụng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh.

3.8 Thuê hoạt động

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của hợp đồng thuê.

3.9 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.11 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- Quỹ đầu tư phát triển
Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi
Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và nợ vay.

Công cụ tài chính – Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại theo Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	37.976.400	4.885.000
Tiền gửi ngân hàng	7.876.068.178	4.296.362.737
Các khoản tương đương tiền (*)	-	98.823.717.443
TỔNG CỘNG	7.914.044.578	103.124.965.180

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có thời hạn gốc dưới ba tháng và hưởng lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên thứ ba	37.803.452.517	40.183.071.738
Bên liên quan (Thuyết minh số 20)	-	30.800.000
TỔNG CỘNG	37.803.452.517	40.213.871.738
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(15.197.069.914)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	22.606.382.603	40.213.871.738

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên thứ ba	225.838.046	216.822.726
TỔNG CỘNG	225.838.046	216.822.726

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Tạm ứng nhân viên	140.749.239	201.788.961
Lãi dự thu	2.109.479.452	482.316.363
Phải thu từ chi hộ	259.880.550	-
Đặt cọc thuê nhà	447.248.666	-
Khác	11.888.000	345.200.560
	2.969.245.907	1.029.305.884
Dài hạn		
Ký quỹ	89.200.000	89.200.000
TỔNG CỘNG	3.058.445.907	1.118.505.884
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 20)</i>	2.886.942.002	810.300.256
<i>Phải thu khác</i>	171.503.905	308.205.628

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

a) Ngắn hạn

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Phí thuê nhà	184.050.000	631.100.000	(815.150.000)	-
Chi phí bảo hiểm	134.221.388	363.122.242	(343.039.422)	154.304.208
Chi phí bảo trì website	41.250.000	308.000.000	(349.250.000)	-
Phí dịch vụ khác	21.747.406	240.732.600	(208.240.707)	54.239.299
TỔNG CỘNG	381.268.794	1.542.954.842	(1.715.680.129)	208.543.507

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (tiếp theo)

b) Dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào	Số cuối năm
			chi phí SXKD trong năm	
Công cụ, dụng cụ	701.968.370	14.838.000	(435.280.185)	281.526.185
TỔNG CỘNG	701.968.370	14.838.000	(435.280.185)	281.526.185

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VNĐ			
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	13.778.633.885	5.540.709.422	408.582.150	19.727.925.457
Mua sắm mới	-	1.384.900.000	43.999.000	1.428.899.000
Số cuối năm	13.778.633.885	6.925.609.422	452.581.150	21.156.824.457
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết</i>	3.256.809.102	1.402.659.360	347.882.150	5.007.350.612
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	7.005.037.928	1.954.580.991	374.859.926	9.334.478.845
Khấu hao trong năm	507.339.528	537.032.964	24.816.562	1.069.189.054
Số cuối năm	7.512.377.456	2.491.613.955	399.676.488	10.403.667.899
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	6.773.595.957	3.586.128.431	33.722.224	10.393.446.612
Số cuối năm	6.266.256.429	4.433.995.467	52.904.662	10.753.156.558

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh 10.1)	1.999.800.000.000	1.999.800.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh 10.2)	9.454.808.000	9.454.808.000
TỔNG CỘNG	2.009.254.808.000	2.009.254.808.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

10.1 Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VNĐ)
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	99,99	999.900.000.000	99,99	999.900.000.000
Công ty Cổ phần PAN Farm	99,99	999.900.000.000	99,99	999.900.000.000
TỔNG CỘNG		1.999.800.000.000		1.999.800.000.000

Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313041011 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 12 năm 2014 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty có trụ sở chính tại Lô A1-9, đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, Việt Nam.

Công ty Cổ phần PAN Farm là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0107519768 do SKHĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 28 tháng 7 năm 2016. Công ty có trụ sở chính tại tầng 15, tòa nhà ICON 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

10.2 Đầu tư vào các công ty liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VNĐ)	
Công ty TNHH Dịch vụ Xuyên Thái Bình	20	5.000.000.000	20	5.000.000.000	
Công ty TNHH Liên Thái Bình	20	4.454.808.000	20	4.454.808.000	
TỔNG CỘNG		9.454.808.000		9.454.808.000	

Công ty TNHH Dịch vụ Xuyên Thái Bình trước đây là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0309493985 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 11 năm 2009. Công ty đã chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty TNHH một thành viên thành Công ty TNHH hai thành viên trở lên theo GCNĐKDN thay đổi lần thứ 4 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 03 năm 2016. Công ty có trụ sở chính tại 236/43/2 Đường Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty TNHH Liên Thái Bình trước đây là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0100230134 do SKHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 12 năm 2008 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty đã chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty TNHH một thành viên thành Công ty TNHH hai thành viên trở lên theo GCNĐKDN thay đổi lần thứ 3 do SKHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 17 tháng 3 năm 2016. Công ty có trụ sở chính tại tầng 3, số 1C Đường Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên thứ ba	316.025.058	228.745.598
Bên liên quan (Thuyết minh số 20)	219.708.956	82.000.000
TỔNG CỘNG	535.734.014	310.745.598

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	VND				
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Khác	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 19)	(657.270.676)	-	-	657.270.676	-
Thuế thu nhập cá nhân	350.262.175	1.427.474.966	(1.509.078.950)	-	268.658.191
Khác	(29.119.575)	4.000.000	(4.000.000)	-	(29.119.575)
TỔNG CỘNG	(336.128.076)	1.431.474.966	(1.513.078.950)	657.270.676	239.538.616
<i>Trong đó:</i>					
<i>Phải nộp</i>	<i>350.262.175</i>				<i>268.658.191</i>
<i>Trả trước</i>	<i>(686.390.251)</i>				<i>(29.119.575)</i>

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp và kinh phí công đoàn	92.780.075	92.780.075
Khác	3.048.172.326	3.990.787.625
TỔNG CỘNG	3.140.952.401	4.083.567.700
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 20)</i>	<i>300.000.000</i>	<i>120.000.000</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>2.840.952.401</i>	<i>3.963.567.700</i>

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

14.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	1.008.724.970.000	1.021.203.143.351	-	11.513.798.268	61.631.474.871	2.103.073.386.490
- Tăng vốn	15.000.000.000	(132.000.000)	-	-	-	14.868.000.000
- Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(561.000.000)	-	-	(561.000.000)
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	112.666.489.467	112.666.489.467
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(5.253.289.600)	(5.253.289.600)
- Trích thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	1.023.724.970.000	1.021.071.143.351	(561.000.000)	11.513.798.268	167.044.674.738	2.222.793.586.357
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	1.023.724.970.000	1.021.071.143.351	(561.000.000)	11.513.798.268	167.044.674.738	2.222.793.586.357
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu	153.511.330.000	-	-	-	(153.511.330.000)	-
- Lỗ trong năm	-	-	-	-	(22.282.837.994)	(22.282.837.994)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(5.633.324.473)	(5.633.324.473)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	1.177.236.300.000	1.021.071.143.351	(561.000.000)	11.513.798.268	(14.382.817.729)	2.194.877.423.890

Công ty tăng vốn điều lệ từ 1.023 tỷ đồng lên 1.177 tỷ đồng thông qua việc chia cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông từ nguồn lợi nhuận giữ lại sau khi phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ số 01-04/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2017 và Nghị Quyết HĐQT số 02-06/2017/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

14.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu năm	1.023.724.970.000	1.008.724.970.000
Tăng trong năm	<u>153.511.330.000</u>	<u>15.000.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.177.236.300.000</u>	<u>1.023.724.970.000</u>
Cổ tức		
Cổ tức trả bằng tiền		
Cổ tức đã công bố và chưa chi trả	-	-

14.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm Số cổ phần	Số đầu năm Số cổ phần
Cổ phiếu đã được duyệt	117.723.630	102.372.497
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
- Cổ phiếu phổ thông	117.723.630	102.372.497
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
- Cổ phiếu phổ thông	30.000	30.000
Cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	117.693.630	102.342.497

15 DOANH THU

15.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cho thuê	<u>18.000.000</u>	<u>1.285.155.558</u>
TỔNG CỘNG	<u>18.000.000</u>	<u>1.285.155.558</u>

15.2 Doanh thu tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ thanh lý khoản đầu tư	-	135.149.975.858
Thu nhập cổ tức	6.387.000.000	22.942.500.000
Lãi từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh	3.566.321.600	9.490.170.875
Lãi tiền gửi	186.377.178	197.865.574
Lãi cho vay	2.109.479.452	-
Khác	<u>2.396.144.355</u>	<u>7.409.312.689</u>
TỔNG CỘNG	<u>14.645.322.585</u>	<u>175.189.824.996</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

16 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VNĐ	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí tư vấn và chuyển nhượng vốn	-	9.952.602.865
Khác	45.237.250	7.866.905.357
TỔNG CỘNG	45.237.250	17.819.508.222

17 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VNĐ	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí cho nhân viên	8.337.169.346	9.687.775.717
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	433.015.510	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.069.189.054	849.218.051
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.213.232.748	12.039.346.266
Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	15.197.069.914	-
Chi phí khác	22.389.043	598.323.517
TỔNG CỘNG	39.272.065.615	23.174.663.551

18 CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VNĐ	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nhân viên	8.337.169.346	9.687.775.717
Chi phí nguyên liệu, vật dùng, đồ dùng	433.015.510	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.069.189.054	849.218.051
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.213.232.748	12.039.346.266
Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	15.197.069.914	-
Chi phí khác	22.389.043	598.323.517
TỔNG CỘNG	39.272.065.615	23.174.663.551

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

19 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

19.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	24.157.149.493
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	-	68.239.384
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	<u>(3.039.413.983)</u>	<u>(1.481.862.538)</u>
TỔNG CỘNG	<u>(3.039.413.983)</u>	<u>22.743.526.339</u>

19.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần trước thuế	(25.322.251.977)	135.410.015.806
Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	1.642.144.639	8.318.231.659
<i>Chi phí kinh doanh không được khấu trừ</i>	<i>1.642.144.639</i>	<i>8.318.231.659</i>
Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	(6.387.000.000)	(22.942.500.000)
<i>Thu nhập từ cổ tức</i>	<i>(6.387.000.000)</i>	<i>(22.942.500.000)</i>
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	<u>(30.067.107.338)</u>	<u>120.785.747.465</u>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	24.157.149.493
Thuế TNDN phải trả ước tính trong năm hiện hành	-	24.157.149.493
Thuế TNDN trả trước đầu năm	(657.270.676)	(595.346.893)
Thuế TNDN đã trả trong năm	-	(24.287.312.660)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu các năm trước	-	68.239.384
Khác	657.270.676	-
Thuế TNDN trả trước cuối năm	<u>-</u>	<u>(657.270.676)</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>VNĐ</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Cổ đồng	Hợp đồng hợp tác đầu tư	291.548.000.000	1.032.710.000.000
		Lãi từ hợp đồng hợp tác đầu tư	3.992.721.296	16.899.483.564
		Phí tư vấn chuyển nhượng đầu tư	-	9.952.602.865
		Phí tư vấn và phát hành chứng khoán	-	132.000.000
		Chi phí chi trả hộ	12.447.750	133.140.463
Công ty Quản lý Quỹ SSI	Cổ đồng	Phí dịch vụ	-	360.000.000
Công ty Cổ phần CSC Việt Nam	Cổ đồng	Chi phí thuê văn phòng	1.596.258.315	1.918.453.127
Công ty Cổ phần CSCBC Việt Nam	Cổ đồng	Chi phí thuê văn phòng	1.346.765.898	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Công ty con	Cho thuê xe	18.000.000	108.000.000
		Mua hàng hóa	470.915.602	111.967.000
		Chi phí chi trả hộ	36.960.000	-
Công ty Cổ phần PAN-SaladBowl	Công ty con	Góp vốn	-	17.955.000.000
		Mua hàng hóa	17.000.000	-
Công ty Cổ phần PAN Farm	Công ty con	Góp vốn	-	60.772.181.188
Công ty TNHH Tư vấn NDH	Bên liên quan	Phí dịch vụ	1.761.519.638	391.600.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy Sản Bến Tre	Công ty con	Chi phí chi trả hộ	41.043.163	-
Công Ty Cổ Phần Bibica	Công ty con	Chi phí chi trả hộ	29.055.400	-
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm PAN	Công ty con	Chi phí chi trả hộ	77.980.650	-
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	Công ty con	Chi phí chi trả hộ	59.400.917	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>VNĐ</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung Ương	Công ty con	Chi phí chi trả hộ	216.737.510	-
		Mua hàng hóa	28.460.000	-
		Thu nhập cổ tức	-	22.942.500.000
Công ty Cổ Phần Chế Biến Hàng Xuất Khẩu Long An	Công ty con	Chi phí chi trả hộ	25.548.233	-
		Mua hàng hóa	16.707.840	-
Công ty TNHH Dịch vụ Xuyên Thái Bình	Công ty liên kết	Thu nhập từ cổ tức	5.187.000.000	-
		Doanh thu cho thuê văn phòng và dịch vụ khác	-	763.485.310
		Phí dịch vụ vệ sinh	-	198.235.240
Công ty TNHH Liên Thái Bình	Công ty liên kết	Thu nhập từ cổ tức	1.200.000.000	-
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT	Chi phí thuê văn phòng	655.200.000	655.200.000

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>VNĐ</i>	
			<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>				
Công ty TNHH Dịch vụ Xuyên Thái Bình	Công ty liên kết	Thuê xe	-	11.000.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Công ty con	Thuê xe	-	19.800.000
			<u>-</u>	<u>30.800.000</u>



Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Phải thu khác				
Công ty Cổ phần CSC Việt Nam	Cổ đông	Đặt cọc thuê văn phòng	-	304.700.560
Công ty Cổ phần CSCBC Việt Nam	Cổ đông	Đặt cọc thuê văn phòng	438.382.000	-
Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Nha Trang	Công ty liên kết	Thu hộ chi hộ	3.850.000	-
Công ty Cổ phần Atani Holdings	Bên liên quan	Thu hộ chi hộ	2.552.000	-
Công ty Cổ phần Chế biến hàng xuất khẩu Long An	Công ty con	Thu hộ chi hộ	17.612.833	-
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm PAN	Công ty con	Thu hộ chi hộ	70.045.250	-
Công ty Cổ phần PAN-SaladBowl	Công ty con	Thu hộ chi hộ	12.320.000	-
Công ty Cổ phần Giống cây trồng miền Nam	Công ty con	Thu hộ chi hộ	49.481.667	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy Sản Bến Tre	Công ty con	Thu hộ chi hộ	27.486.800	-
Công ty Cổ phần Bibica	Công ty con	Thu hộ chi hộ	21.120.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ sinh học Mùa Xuân	Bên liên quan	Thu hộ chi hộ	18.452.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Cổ đông	Lãi dự thu	-	426.399.696
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Công ty con	Lãi dự thu	2.109.479.452	-
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT	Thu hộ chi hộ	36.960.000	-
		Đặt cọc thuê văn phòng	79.200.000	79.200.000
			2.886.942.002	810.300.256
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Cổ đông	Phí dịch vụ	-	82.000.00
Công ty TNHH Tư vấn NDH	Bên liên quan	Phí dịch vụ	219.708.956	-
			219.708.956	82.000.000
Phải trả khác				
Ông Michael Sng Beng Hock	Thành viên HĐQT	Thù lao	300.000.000	120.000.000
			300.000.000	120.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc như sau:

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tiền lương, tiền thù lao	3.020.000.000	2.185.250.000
Thu nhập khác	550.000.000	528.333.000
TỔNG CỘNG	3.570.000.000	2.713.583.000

21. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi trên cổ phiếu", trường hợp Doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

22. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dưới 1 năm	2.915.028.000	1.717.642.742
Từ 1 đến 5 năm	3.935.316.178	2.620.800.000
Trên 5 năm	6.726.217.105	7.381.776.316
TỔNG CỘNG	13.576.561.283	11.720.219.058

23. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

23. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay, tiền gửi và các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán riêng tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các công cụ tài chính khác

Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

23. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

	Tổng cộng	Không quá hạn và không bị suy giảm	VNĐ		
			Quá hạn nhưng không bị suy giảm		
			< 6 tháng	6 tháng – 1 năm	Trên 1 năm
31 tháng 12 năm 2017	202.635.193.763	202.635.193.763	-	-	-
31 tháng 12 năm 2016	214.255.553.841	214.255.553.841	-	-	-

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã chiết khấu:

	VNĐ		
	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
31 tháng 12 năm 2017			
Phải trả cho người bán	535.734.014	-	535.734.014
Chi phí phải trả và chi phí trích trước khác	164.875.341	-	164.875.341
TỔNG CỘNG	700.609.355	-	700.609.355
31 tháng 12 năm 2016			
Phải trả cho người bán	310.745.598	-	310.745.598
Chi phí phải trả và chi phí trích trước khác	351.190.693	-	351.190.693
TỔNG CỘNG	661.936.291	-	661.936.291

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

24. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty:

VNĐ

	<i>Giá trị ghi sổ</i>				<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>			
	<i>Nguyên giá</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Nguyên giá</i>	<i>Dự phòng</i>		
Tài sản tài chính						
Phải thu khách hàng	37.803.452.517	(15.197.069.914)	40.213.871.738	-	22.606.382.603	40.213.871.738
Phải thu khác	156.917.696.668	-	70.916.716.923	-	156.917.696.668	70.916.716.923
Tiền	7.914.044.578	-	103.124.965.180	-	7.914.044.578	103.124.965.180
TỔNG CỘNG	202.635.193.763	(15.197.069.914)	214.255.553.841	-	187.438.123.849	214.255.553.841

	<i>Giá trị ghi sổ</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	Nợ phải trả tài chính			
Phải trả người bán	535.734.014	310.745.598	535.734.014	310.745.598
Phải trả khác	164.875.341	351.190.693	164.875.341	351.190.693
TỔNG CỘNG	700.609.355	661.936.291	700.609.355	661.936.291

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

24. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia. Ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cụ thể trong quốc gia, khả năng trả nợ của từng khách hàng và tính chất rủi ro của dự án được tài trợ. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được xác định dựa trên giá công bố, nếu có, trên các thị trường có giao dịch.

25. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán 31 tháng 12 năm 2017 yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng.

26. GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUÝ 4/2017 SO VỚI QUÝ 4/2016

Theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về công bố thông tin định kỳ và giải trình số liệu của tổ chức niêm yết. Công ty giải trình biến động kết quả kinh doanh như sau:

Kết thúc Quý 4 năm 2017, Công ty ghi nhận khoản lỗ 25,3 tỷ đồng, nguyên nhân chủ yếu là do:

- Với mô hình hoạt động tập đoàn, nguồn thu nhập chính của Công ty mẹ là từ cổ tức chia từ các Công ty con. Trong năm, do các đơn vị này chưa thực hiện chi trả cổ tức dẫn đến Công ty mẹ chưa phát sinh khoản ghi nhận thu nhập cổ tức.
- Năm 2017 Công ty không còn ghi nhận khoản lợi nhuận bất thường phát sinh từ giao dịch chuyển nhượng 80% phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Dịch vụ Xuyên Thái Bình và Công ty TNHH Liên Thái Bình (lợi nhuận thuần từ giao dịch thoái vốn phát sinh trong năm 2016 này là 120 tỷ đồng)

Người lập



Vũ Thị Lan Anh
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Nguyễn Tuấn Anh
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt



Nguyễn Khắc Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 01 năm 2018